

Bản án số: 206/2021/HSPT

Ngày: 23 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Ông Võ Ngọc Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Anh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 161/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S, bị cáo Phan Thị Hồng C về tội “*Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 09-12-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Bị cáo kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị Mỹ S**, sinh ngày 25/3/1983 tại C, Gia Lai. Nơi cư trú: thị trấn N, huyện C1, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Nhân viên trường THCS X, huyện C1, Gia Lai. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950; Gia đình 07 anh em, bị cáo là con thứ tư. Chồng là Hoàng Văn T, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. **Phan Thị Hồng C**, sinh ngày 6/6/1990 tại Bình Định. Nơi cư trú: thị trấn N, huyện C1, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp khi phạm tội: Thủ quỹ phòng Giáo Dục-Đào Tạo huyện C1, nay làm nhân viên Ban quản lý Công trình đô thị và vệ sinh môi trường huyện C1, Gia Lai. Là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Trình độ văn hóa 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nữ. Tôn giáo: Không. Quốc tịch Việt Nam. Con ông Phan Văn M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Gia đình 03 chị em, bị cáo là con lớn nhất. Chồng là Nguyễn Đình H, sinh năm

1986 và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: tỉnh Gia Lai, có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có một bị cáo; một số bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C1 (Phòng Giáo dục) là cơ quan chuyên môn, có nhiệm vụ tham mưu cho UBND huyện C1 thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo; ngoài chức năng chuyên môn, Phòng còn được UBND huyện giao dự toán để thực hiện các nội dung, chương trình, mục tiêu sự nghiệp giáo dục theo qui định. Phòng Giáo dục quản lý chuyên môn 35 trường (10 trường Mẫu giáo, 17 trường Tiểu học và 08 trường Trung học cơ sở), quản lý tài chính 14 trường (09 trường Mẫu giáo, 04 trường Tiểu học và 01 Trường Trung học cơ sở). Phòng Giáo dục là đơn vị dự toán cấp I đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C1 và Kho bạc Nhà nước (KBNN) huyện C1 trong quá trình thực hiện dự toán, quyết toán ngân sách.

Ngân sách giao cho Phòng Giáo dục hàng năm gồm:

- Nguồn 12 (không tự chủ): kinh phí chi cho sự nghiệp giáo dục của các trường trực thuộc về tài chính của 03 cấp (Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học cơ sở), gồm:

+ Kinh phí chế độ cho học sinh: là kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập là kinh phí đầu tư phát triển giáo dục được giao trong kế hoạch hằng năm do ngân sách trung ương hỗ trợ, nếu thiếu sẽ được bổ sung, nếu sử dụng không hết thì phải nộp trả ngân sách hoặc chuyển nguồn sang năm sau.

+ Kinh phí thường xuyên: Căn cứ dự toán được UBND huyện giao, Phòng Giáo dục cân đối các khoản chi: Lương, phụ cấp, văn phòng phẩm, xây dựng cơ bản, tiền tăng giờ, mua sắm, sửa chữa, điện, nước, ... để đảm bảo hoạt động.

- Nguồn 13 (tự chủ): Kinh phí Quản lý nhà nước của Phòng Giáo dục.

- Nguồn 14 (bổ sung lương): Tăng lương cơ bản.

Từ năm 2013 đến năm 2015, ông Phùng Văn Tuấn là Trưởng phòng (được bổ nhiệm theo QĐ số 44 ngày 22/7/2010 của Chủ tịch UBND huyện C1), Phan Trung D là Kế toán (được bổ nhiệm theo QĐ số 27 ngày 25/12/2009 của Chủ tịch UBND huyện C1) và các thủ quỹ (được Trưởng phòng phân công nhiệm vụ theo

từng giai đoạn) là Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C của Phòng Giáo dục huyện C1 đã có hành vi sai phạm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí do Nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ và tiền hỗ trợ học sinh bán trú, làm thất thoát số tiền này, gây thiệt hại cho 2.890 trẻ mầm non và 110 học sinh không được nhận số tiền 2.819.445.000 đồng (*hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) theo chế độ.

Cụ thể như sau:

Từ năm 2013-2015, thực hiện Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v hỗ trợ chế độ ăn trưa cho học sinh bán trú và Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C1 đã được giao dự toán để cấp phát cho các trường trực thuộc để chi trả cho học sinh bán trú và trẻ em 3, 4, 5 tuổi theo chế độ quy định nêu trên.

Theo đó, ông Phùng Văn Tuấn đã chỉ đạo Kế toán là Phan Trung D làm thủ tục rút dự toán bằng hình thức thanh toán trực tiếp (Khoản 2 - Điều 6 - Thông tư số 161/2012/TT-BTC ngày 02/10/2012 của Bộ Tài chính Quy định chế độ kiểm soát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua KBNN) tại Kho bạc huyện C1 tổng cộng số tiền 2.874.545.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền chế độ chi trả hỗ trợ cho học sinh bán trú và trẻ mầm non của các Trường Mẫu giáo, Trường tiểu học, Trường Trung học cơ sở trên địa bàn huyện và Phòng Giáo dục đã được nhận đủ số tiền này.

Cụ thể: Phòng Giáo dục đã rút số tiền 2.874.545.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) gồm 2 khoản như sau:

- Số tiền 2.515.920.000 đồng là tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ 3, 4, 5 tuổi bằng Danh sách học sinh của 07 trường Mẫu giáo theo quy định tại Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 09/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ v/v Phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi giai đoạn 2010 - 2015 (cụ thể: Năm 2013: Trường Mẫu giáo H là 290 trẻ với số tiền 323.640.000 đồng; Năm 2014: Trường Mẫu giáo X là 312 trẻ với số tiền 187.200.000 đồng; Trường Mẫu giáo Sơn C là 158 trẻ với số tiền 170.640.000 đồng; Năm 2015: Trường Mẫu giáo H là 143 trẻ với số tiền 85.800.000 đồng, Trường Mẫu giáo S là 334 trẻ với số tiền 200.400.000 đồng, Trường Mẫu giáo B là 332 trẻ với số tiền 358.560.000 đồng, Mẫu giáo L là 426 trẻ với số tiền 460.080.000 đồng, Mẫu giáo Y là 460 trẻ với số tiền 276.000.000 đồng, Mẫu giáo V là 420 trẻ với số tiền 453.600.000 đồng).

- Năm 2013: Rút số tiền 358.625.000 đồng là tiền hỗ trợ học sinh bán trú (theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 về kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú) bằng Danh sách học sinh của 02 Trường Tiểu học và 01 Trường Trung học cơ sở (gồm: Trường Tiểu học K là 44 học sinh

với số tiền 202.100.000 đồng và Tiểu học N là 02 học sinh với số tiền 9.325.000 đồng, Trường Trung học cơ sở H là 64 học sinh với số tiền 147.200.000 đồng).

Tuy nhiên, sau khi nhận được số tiền này, Phòng Giáo dục không thực hiện việc cấp phát cho các trường học theo danh sách đã lập sẵn về Phòng để chi trả cho học sinh theo chế độ quy định, mà đã sử dụng số tiền 2.819.445.000 đồng (*hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) để chi trả cho các khoản chi thường xuyên như sau:

- Chi lương và phụ cấp số tiền 524.723.029 đồng;
- Chi thuê xe số tiền 397.984.000 đồng;
- Chi mua sắm số tiền 617.609.271 đồng;
- Chi khen thưởng số tiền 181.980.000 đồng;
- Chi tiếp khách số tiền 447.866.700 đồng;
- Chi quà biếu số tiền 318.428.000 đồng;
- Chi hỗ trợ ăn trưa cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi của những trường chưa rút dự toán số tiền 95.760.000 đồng;

- Chi các khoản khác với số tiền 235.094.000 đồng, trong đó có các khoản chi không có trong dự toán, các khoản chi không được quyết toán.

(Chỉ còn tồn quỹ 55.100.000 đồng).

Qua điều tra các bị can khai lý do của việc chi tiền sai qui định nêu trên là vì: Từ năm 2010 đến năm 2015, Phòng Giáo dục sử dụng kinh phí theo phương thức “gói đầu”: Rút dự toán các khoản chi sau sẽ chi trả cho các khoản chi trước. Tuy nhiên, từ năm 2013 trở đi thì số tiền chi các khoản chi không có trong dự toán và các khoản chi không thể quyết toán được ngày càng lớn nhưng vẫn không xin được kinh phí; nhưng khi nhận tiền chế độ cho học sinh thì Trưởng phòng giáo dục là ông Phùng Văn T vẫn chỉ đạo Kế toán là Phan Trung D và các thủ quỹ (theo từng giai đoạn) là Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C tiếp tục chi các khoản chi thường xuyên phát sinh thực tế, còn tiền chế độ cho học sinh ông T nói sẽ tiếp tục xin bổ sung kinh phí rồi rút dự toán cấp phát cho các trường sau. Tuy nhiên, sau đó Phòng Giáo dục không xin bổ sung kinh phí được dẫn đến thất thoát số tiền 2.819.445.000 đồng (*hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*), nên không có tiền chi trả cho học sinh theo đúng chế độ.

Đối với các trường trực thuộc đã lập Danh sách học sinh được hưởng chế độ nộp cho Phòng Giáo dục nhưng không thấy được cấp phát tiền thì nhiều lần liên hệ với ông Phùng Văn T đề nghị chi trả tiền chế độ cho học sinh theo danh sách trường đã cung cấp, thì ông T trả lời là chưa được cấp kinh phí.

Đến ngày 03/01/2016, khi thấy ông T đang bị bệnh hiểm nghèo (ung thư) khó có khả năng bình phục, thì Nguyễn Thị Mỹ S đã viết tay lập số liệu bảng “*Báo cáo thu chi cơ quan*” từ tháng 01/2010 - 7/2013, từ tháng 7/2014 - 12/2015 trong thời gian S làm thủ quỹ, đã âm quỹ số tiền 2.366.000.000 đồng (*hai tỷ, ba*

trăm, sáu mươi sáu triệu đồng) và Phan Thị Hồng C đã viết tay lập bảng “*Báo cáo tình hình chi hoạt động của cơ quan từ tháng 8/2013 - 10/2014*” thời gian C làm thủ quỹ thể hiện số tiền âm quỹ là 231.481.000 đồng (*Hai trăm ba một triệu, bốn trăm tám một ngàn đồng*). Ông T đã ký xác nhận âm quỹ số tiền 2.597.481.000 đồng theo đề nghị của S và C. Ngày 17/01/2016, ông T chết do bệnh.

Đến đầu năm 2018, Đoàn Thanh tra tỉnh Gia Lai tiến hành thanh tra việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C1; thông qua đợt thanh tra, Đoàn Thanh tra đã làm việc trực tiếp các trường thì mới phát hiện các trường chưa nhận được tiền của Phòng Giáo dục chi trả chế độ cho sinh thì sai phạm này của Phòng Giáo dục mới bị phát hiện và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Gia Lai điều tra và xử lý.

Qua điều tra xác định: Việc phòng Giáo dục đã thanh toán trực tiếp tổng số tiền 2.819.445.000 đồng tại KBNN huyện C1 nhưng về không cấp phát lại cho các trường để chi trả cho học sinh, mà đã sử dụng vào việc chi trả cho các hoạt động thường xuyên của Phòng Giáo dục là đã vi phạm các quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 51 Luật Ngân sách năm 2002. Theo đó, các khoản chi phải có trong dự toán ngân sách được giao, ngoài cơ quan có thẩm quyền giao ngân sách, không tổ chức hoặc cá nhân nào được thay đổi nhiệm vụ ngân sách đã được giao. Tại các Báo cáo Tài chính, Sổ chi tiết hoạt động các năm 2013, 2014, 2015 của Phòng Giáo dục thể hiện đã chi số tiền này (*BL số: 839 - Tập 2*); hàng năm Phòng Giáo dục đã quyết toán với Phòng Tài chính và UBND huyện C1 đã quyết toán với Sở Tài chính tỉnh Gia Lai.

Như vậy số tiền 2.819.445.000 đồng đã quyết toán ngân sách nhà nước, là tiền chế độ của học sinh mà Phòng Giáo dục có trách nhiệm quản lý, cấp phát chi trả cho học sinh nhưng Trưởng phòng, Kế toán, Thủ quỹ Phòng Giáo dục đã sử dụng để chi các khoản chi không có trong dự toán được giao, dẫn đến thất thoát, không còn kinh phí để chi trả cho học sinh, gây thiệt hại cho 2.890 trẻ mầm non và 110 học sinh không được nhận số tiền 2.819.445.000 đồng (*hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*) tiền Nhà nước hỗ trợ cho học sinh và trẻ em mầm non theo chế độ.

Trách nhiệm trước tiên thuộc về ông Phùng Văn T – Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C1, vì ông T là người đứng đầu, đã chủ mưu việc chi tiền trái pháp luật, đã chỉ đạo cho cấp dưới thực hiện mệnh lệnh của mình. Tuy nhiên, do ông T đã chết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông T

Hành vi phạm tội của các bị can được thể hiện:

Đối với Phan Trung D - là Kế toán trưởng, là người có vai trò quan trọng trong vụ án vì chữ ký duyệt chi của bị can D là 1 trong 2 chữ ký bắt buộc để đảm bảo phiếu chi đủ điều kiện chi tiền. D nhận thức được các quy định của pháp luật

tài chính kế toán, nhưng đã không làm đúng chức năng nhiệm vụ của mình, vì động cơ nể nang Trưởng phòng, lo sợ trưởng phòng trù dập nếu không thực hiện theo chỉ đạo của trưởng phòng, mặt khác, D còn lý do vụ lợi tập thể cho cơ quan đơn vị, đồng ý chấp nhận ký duyệt chi sai, làm sai công vụ để duy trì được hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị. Cụ thể, D đồng ý ký duyệt chi tổng số tiền 939.748.768 đồng mà D biết rõ không có trong dự toán nên ký duyệt chi là vi phạm pháp luật. Mặt khác, số tiền chi sai còn lại là 1.879.966.232 đồng, mặc dù D không ký duyệt chi nhưng D biết rõ, nhưng đã không thực hiện đúng trách nhiệm của Kế toán, không có biện pháp ngăn chặn Trưởng phòng và Thủ quỹ sử dụng số tiền này sai quy định dẫn đến thất thoát kinh phí do D có trách nhiệm quản lý, không có tiền chi trả chế độ cho học sinh, nên D phải chịu trách nhiệm toàn bộ đối với hậu quả thiệt hại 2.819.445.000đ (*Hai tỷ, tám trăm mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Đối với Nguyễn Thị Mỹ S (thủ quỹ từ năm 2010 đến ngày 25/7/2013 và từ ngày 01/8/2014 đến tháng 3/2017): S nhận thức được nhiệm vụ của thủ quỹ chỉ được chi tiền khi trên phiếu chi có đủ chữ ký của trưởng phòng và kế toán phê duyệt. Tuy nhiên, trong tổng số tiền 2.387.962.870 đồng mà S đã chi, chỉ có số tiền 518.276.638 đồng chi đúng quy định, có đầy đủ Trưởng Phòng và kế toán phê duyệt trên chứng từ kế toán (sự phê duyệt chi tiền thể hiện tại 189 chứng từ kế toán gồm: 121 phiếu chi, 22 giấy đề nghị thanh toán, 30 bảng kê, 12 giấy tạm ứng, 04 tờ trình). Còn lại số tiền 1.869.686.232 đồng S đã chi sai quy định gồm: Số tiền 1.317.529.232 đồng không có ai phê duyệt, số tiền 480.527.000 đồng chỉ có Trưởng phòng phê duyệt (sự phê duyệt thể hiện tại 165 chứng từ kế toán gồm: 13 Phiếu chi, 110 Giấy đề nghị thanh toán, 01 giấy tạm ứng, 11 giấy biên nhận, 24 bảng kê, 02 tờ trình, 04 hợp đồng kinh tế) và số tiền 71.630.000 đồng chỉ có Kế toán phê duyệt (sự phê duyệt thể hiện trên 21 chứng từ kế toán gồm: 15 phiếu chi, 05 giấy đề nghị thanh toán, 01 giấy tạm ứng). Qua điều tra xác định việc Nguyễn Thị Mỹ S có hành vi làm sai chức năng, nhiệm vụ của thủ quỹ, chi tiền không đúng quy định như trên là theo sự chỉ đạo của Trưởng phòng Phùng Văn T chỉ đạo, bản thân S vì động cơ nể nang, lo sợ bị Trưởng phòng trù dập, sợ bị chuyển công tác khác hoặc không được tiếp tục ký hợp đồng nếu không chấp hành mệnh lệnh chỉ đạo của Phùng Văn T, nên S làm trái công vụ của mình.

Nguyễn Thị Mỹ S đã giao nộp 687 tài liệu, chứng từ kế toán thể hiện việc chi số tiền 2.387.962.870 đồng trong thời gian S làm thủ quỹ Phòng Giáo dục từ năm 2010 đến ngày 25/7/2013 và từ ngày 01/8/2014 đến tháng 3/2017.

Qua điều tra xác định: Trong tổng số 2.387.962.870 đồng S chi gồm các khoản tiền sau:

- Số tiền 2.080.213.870 đồng chi cho các hoạt động thường xuyên như mua sắm, sửa chữa, chi lương cho nhân viên, chi tiếp khách, chi khen thưởng của Phòng Giáo dục, các cá nhân khẳng định đã nhận đủ số tiền trên.

- Số tiền 91.207.000 đồng chi mua sắm, tiếp khách của các cá nhân, tổ chức gồm: quán cơm H, Nhà hàng T, quán cơm L, quán cơm Đ, Văn phòng phẩm T, Công ty cổ phần sách & dịch vụ văn hóa, Cửa hàng cung cấp biểu mẫu sách các loại thì đây là những cơ sở có đăng ký kinh doanh, khai báo thuế, hiện tại đã ngừng hoạt động, Cơ quan điều tra đã xác minh đã xác minh các chủ kinh doanh nêu trên nhưng không có kết quả; xét thấy có căn cứ xác định các khoản chi này là các khoản chi thực tế.

- Số tiền 216.542.000 đồng là các khoản chi tiếp khách, quà biếu thì Nguyễn Thị Mỹ S khai Phùng Văn T là Trưởng phòng Giáo dục là người trực tiếp nhận tiền, T chỉ ký duyệt chi dưới mục trưởng phòng trên các giấy Đề nghị thanh toán nên không ký nhận. Xét thấy đây những khoản chi Trưởng phòng đã phê duyệt nên xác định S đã chi thực tế, không chiếm đoạt cá nhân số tiền này.

Đối với Phan Thị Hồng C (thủ quỹ từ ngày 26/7/2013 đến tháng 7/2014): đã chi số tiền 431.482.130 đồng, trong đó chỉ có số tiền 120.377.130 đồng chi đúng quy định, có đầy đủ Trưởng Phòng và Kế toán phê duyệt (sự phê duyệt chi tiền thể hiện tại 56 chứng từ kế toán gồm: 50 phiếu chi, 03 giấy đề nghị thanh toán, 03 bảng kê). Còn lại số tiền 311.105.000 đồng chi sai quy định gồm: số tiền 41.702.000 đồng không có ai phê duyệt, số tiền 40.208.000 đồng chỉ có Trưởng phòng phê duyệt (sự phê duyệt thể hiện tại 12 chứng từ kế toán gồm: 07 Phiếu chi, 07 Giấy đề nghị thanh toán); còn lại số tiền 229.195.000 đồng chỉ có Kế toán phê duyệt (sự phê duyệt thể hiện tại 06 chứng từ kế toán gồm: 04 phiếu chi, 01 giấy đề nghị thanh toán, 01 Bảng kê).

Qua điều tra xác định việc Phan Thị Hồng C có hành vi làm sai chức năng, nhiệm vụ của thủ quỹ, chi tiền không đúng quy định như trên là theo sự chỉ đạo của Trưởng phòng Phùng Văn T, bản thân C vì động cơ nể nang, lo sợ bị Trưởng phòng trù dập, sợ bị chuyển công việc khác hoặc không được tiếp tục ký hợp đồng nếu không chấp nhận mệnh lệnh của Trưởng phòng, nên C đã làm trái công vụ của mình

* Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi ông Phùng Văn T chết, vợ ông T là bà Nguyễn Thị M đã nộp 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*) khắc phục hậu quả.

Bị can Phan Trung D đã nộp 980.000.000 đồng (*Chín trăm tám mươi triệu đồng*), bị can Nguyễn Thị Mỹ S đã nộp 177.780.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng*), bị can Phan Thị Hồng C đã nộp 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) khắc phục hậu quả.

Tổng cộng số tiền các bị can và vợ ông T nộp nêu trên là 1.387.780.000 đồng đã được Phòng Giáo dục cấp phát cho 04 trường là Mẫu giáo là V số tiền 453.600.000 đồng, Sơn C số tiền 170.640.000 đồng, B số tiền 358.560.000 đồng và L số tiền 377.200.000 đồng để chi trả cho 1.336 trẻ mầm non.

Hiện tại còn 1.554 trẻ em 3, 4, 5 tuổi của các trường Mẫu giáo chưa được nhận được tiền chế độ với tổng số tiền 1.431.665.000 đồng. Cụ thể như sau: Trường 1-6 số tiền 276.000.000 đồng; Trường 2-9 số tiền 187.200.000 đồng; Trường H số tiền 323.640.000 đồng; Trường S số tiền 200.400.000 đồng; Trường M số tiền 85.800.000 đồng; 02 học sinh Trường Tiểu học N số tiền 9.325.000 đồng và 44 học sinh Trường tiểu học K số tiền: 202.100.000 đồng; 64 học sinh Trung học cơ sở N số tiền 147.200.000 đồng.

Bên cạnh đó, bị cáo Phan Trung D và Phan Thị Hồng C đã có yêu cầu Trường Tiểu học H hoàn ứng số tiền 200.000.000 đồng đã cho tạm ứng sai quy định. Ngày 03/12/2019, UBND huyện C1 đã có Công văn số 1519/UBND - NC yêu cầu Trường Tiểu học H thu hồi số tiền đã cấp ứng 200.000.000 đồng để trả về Ngân sách theo đúng quy định. Hiện nay, trường Tiểu học H đang thu hồi số tiền này.

Ngoài ra, từ năm 2012 đến năm 2017, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện C1 còn có hành vi chi sai nguồn ngân sách số tiền 6.351.824.941 đồng, cụ thể: Năm 2012 số tiền 522.180.000 đồng, năm 2013 số tiền 1.253.360.000 đồng, năm 2014 số tiền 16.320.000 đồng, năm 2015 số tiền 3.524.324.941 đồng, năm 2016 số tiền 979.800.000 đồng, năm 2017 số tiền 55.840.000 đồng. Năm 2016, Kế toán các trường trực thuộc nộp trả lại cho Phòng Giáo dục tổng số tiền 27.780.000 đồng do học sinh bỏ học nhưng Phòng Giáo dục không nộp trả lại ngân sách nhà nước mà sử dụng số tiền này để chi trả tiền hỗ trợ ăn trưa cho học sinh (do năm 2015 Phòng Giáo dục đã rút dự toán nhưng không chi trả cho học sinh). Tổng số tiền chi sai nguồn ngân sách, điều chỉnh kinh phí sai quy định và không nộp vào ngân sách nhà nước tiền chế độ do học sinh bỏ học là: 6.351.824.941 đồng + 27.780.000 đồng = 6.379.604.941 đồng (*Sáu tỷ, ba trăm bảy mươi chín triệu, sáu trăm lẻ bốn ngàn, chín trăm bốn mươi đồng*).

Căn cứ Kết luận giám định lại số 02/GĐV-TC ngày 16/01/2020 và Văn bản trả lời số 03/GĐTCKT ngày 06/3/2020 của Giám định viên Tài chính - Kế toán và kết quả điều tra, xác minh thấy việc Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện C1 chi sai nguồn ngân sách và điều chỉnh số liệu ngân sách nhà nước sai quy định số tiền: 6.351.824.941 đồng từ năm 2012 đến năm 2017 là đã xảy ra thực tế, tuy nhiên các khoản kinh phí chi sai nguồn có hồ sơ chứng từ hợp lệ, đúng tiêu chuẩn, định mức, có khối lượng công việc cụ thể, mỗi chứng từ chỉ thanh toán một lần, không trùng lặp, đảm bảo pháp lý về mặt hồ sơ, chứng từ khi quyết toán. Việc điều chỉnh quyết toán để đúng nguồn mục tiêu được cấp có thẩm quyền giao

đầu năm, không có sự việc cáo sửa chứng từ để thanh toán, điều chỉnh kinh phí. Tiền học sinh bỏ học không được nhận chế độ Phòng Giáo dục sử dụng để chi trả cho học sinh và đã trả lại, nộp vào ngân sách nhà nước, Giám định viên Tài chính - Kế toán chưa phát hiện gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 09/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Về tội danh, hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S **05** (Năm) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng C **02** (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải bồi thường, trong đó:

- 2.2 Buộc bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S phải nộp số tiền 623.228.744 đồng, đã nộp 177.780.000 đồng, còn phải nộp 445.448.744 đồng.

- 2.3 Buộc bị cáo Phan Thị Hồng C phải nộp số tiền 57.701.667 đồng. Đã nộp 30.000.000 đồng, còn phải nộp 27.701.667 đồng.

- 2.4 Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 1.000.257.295 đồng, đã nộp 200.000.000 đồng, còn phải nộp 800.257.295 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt tù đối với bị cáo Phan Trung D, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S kháng cáo xin giảm hình phạt, xin được hưởng án treo và xin giảm mức bồi thường; Bị cáo Phan Thị Hồng C kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 22/12/2020, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M kháng cáo cho rằng Toà án buộc bà có nghĩa nộp số tiền 1.000.257.295 (đã nộp 200.000.000 đồng, còn phải nộp 800.257.295 đồng) là không đúng. Đáng lẽ ra Toà án phải tuyên buộc ông T (chồng bà đã chết) phải nộp, bà chỉ thanh toán trong giới hạn di sản của chồng bà để lại.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S đã nộp khắc phục xong toàn bộ phần dân sự, đây là tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b

khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S một phần hình phạt. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Hồng C, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm, để đảm bảo cân đối giữa các bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét quan điểm của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C thừa nhận hành vi và tội danh như Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S xin rút nội dung kháng cáo về giảm mức bồi thường, vì trong giai đoạn phúc thẩm đã nộp xong phần trách nhiệm dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại khoản tiền mà Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bà nộp và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hoàn cảnh điều kiện gia đình bà hiện nay quá khó khăn như trong đơn xin cứu xét đã gửi đến Hội đồng xét xử.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Từ năm 2013 đến năm 2015, Phùng Văn T là Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện C1 đã chỉ đạo cho Kế toán và các thủ quỹ của Phòng Giáo dục huyện C1 là Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C sử dụng số tiền 2.819.445.000 đồng là nguồn kinh phí do Nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non và tiền hỗ trợ cho học sinh bán trú (trong đó 2.515.920.000 đồng là tiền hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non 3, 4, 5 tuổi của 7 trường Mẫu giáo; 358.560.000 đồng là tiền hỗ trợ học sinh bán trú của 2 trường tiểu học và 1 trường trung học cơ sở, cùng với số tiền còn tồn quỹ là 55.100.000 đồng) để chi các khoản như chi lương, thuê xe, tiếp khách, khen thưởng, quà biếu và nhiều khoản chi khác không đúng quy định dẫn đến việc 2.890 trẻ mầm non và 110 học sinh bán trú không được nhận số tiền 2.819.445.000 đồng theo chế độ và thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền này.

Theo đó, Phùng Văn T, là Trưởng Phòng có trách nhiệm thực hiện và chỉ đạo thực hiện chi theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách, đúng định mức mua sắm, trang bị tài sản đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả trong phạm vi dự toán Ngân sách nhà nước nhưng vì muốn có được uy tín cao, thuận lợi trong công tác nên dù biết rõ 2.819.445.000 đồng là nguồn kinh phí do Nhà nước hỗ trợ

tiền ăn trưa cho trẻ mầm non và tiền hỗ trợ cho học sinh bán trú và tiền quỹ nhưng vẫn chủ mưu, chỉ đạo cấp dưới chỉ cho các khoản không có trong dự toán và không thể quyết toán Ngân sách nhà nước; Phan Trung D là kế toán trưởng, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C là thủ quỹ, biết rõ việc chỉ đạo chỉ sai quy định, không đúng thủ tục nhưng vì T là trưởng phòng nên D, S, C sợ bị trừ dập, muốn được lòng T, muốn ổn định và thuận lợi trong công việc nên đã thực hiện theo chỉ đạo của T. Khi biết T bị bệnh hiểm nghèo, khó qua khỏi, ngày 03/01/2016 Nguyễn Thị Mỹ S đã viết tay lập sổ liệu “báo cáo thu chi cơ quan” từ tháng 01/2010 – 7/2013, từ tháng 7/2014 – 12/2015 trong thời gian S làm thủ quỹ đã âm quỹ 2.36.000.000 đồng và Phan Thị Hồng C đã lập bảng viết tay “báo cáo tình hình chi hoạt động của cơ quan từ tháng 8/2013 – 10/2014” thời gian C làm thủ quỹ thể hiện âm quỹ 231.481.000đ. T đã ký xác nhận âm quỹ số tiền 2.597.481.000đ. Đến ngày 17/01/2016 T chết.

Như vậy, vì vụ lợi và động cơ cá nhân mà Phùng Văn T, Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C đã lợi dụng chức vụ và quyền hạn được giao để dùng tiền hỗ trợ, tiền quỹ chỉ cho các khoản khác trái quy định gây thiệt hại đến Ngân sách của Nhà nước, thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân số tiền 2.819.445.000đ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử các bị cáo Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo quy định tại Điều 356 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Trong đó, Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S gây thiệt hại tài sản từ 1.000.000.000đ trở lên nên bị truy tố theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật hình sự; Phan Thị Hồng C phạm tội 2 lần trở lên và gây thiệt hại tài sản từ 200.000.000đ đến dưới 1.000.000.000đ nên bị truy tố theo điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt, xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S và của bị cáo Phan Thị Hồng C, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Trong vụ án này, các bị cáo Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C đều cấp dưới của Phùng Văn T, thực hiện chỉ đạo của T. Trong đó, Phan Trung D là kế toán trưởng, Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C đều là thủ quỹ. Trong đó, Nguyễn Thị Mỹ S đã chi 2.387.962.870 đồng. Trong đó 518.276.638 đồng chi đúng quy định, có đầy đủ Trưởng Phòng và kế toán phê duyệt trên chứng từ kế toán, còn lại số tiền 1.869.686.232 đồng S đã chi sai quy định như chứng từ không có ai phê duyệt, chứng từ chỉ có Trưởng phòng phê duyệt, chứng từ chỉ có Kế toán phê duyệt nên Nguyễn Thị Mỹ S phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chi sai quy định là 1.869.686.232 đồng. Phan Thị Hồng C đã chi số tiền 431.482.130 đồng. Trong đó, 120.377.130 đồng chi đúng quy định, còn lại số tiền 311.105.000 đồng chi sai quy định gồm số tiền 41.702.000 không ai phê duyệt, số tiền 40.208.000 đồng chỉ có trưởng phòng phê duyệt và số tiền 229.195.000 đồng

chỉ có kế toán phê duyệt, nên Phan Thị Hồng C phải chịu trách nhiệm đối với số tiền chi sai quy định là 311.105.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S phạm tội nhiều lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Khi xét xử sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo, như: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bị cáo C có người thân có công cách mạng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại một phần số tiền thiệt hại. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,n,s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Phan Thị Hồng C. Từ đó đã áp dụng Điều 54 BLHS cho tất cả các bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, tuyên bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S 5 năm 6 tháng tù, bị cáo Phan Thị Hồng C 2 năm tù là đã xem xét chiều cõ cho các bị cáo. Tuy nhiên trong giai đoạn phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S đã nộp đủ số tiền 445.448.774 đồng, bồi thường dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên (Biên lai thu tiền số 0004235, ngày 15/3/2021, nộp 25.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 0004239, ngày 22/3/2021, nộp 100.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 0004260, ngày 19/4/2021, nộp 40.000.000 đồng; Biên lai thu tiền số 0004262, ngày 20/4/2021, nộp 280.448.774 đồng, đều là biên lai thu tiền của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, thu tiền theo bản án hình sự sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 09/12/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai). Bị cáo Phan Thị Hồng C xuất trình phiếu thu tiền ngày 26/2/2021 của Phòng Giáo Dục và Đào tạo huyện C1 về việc bị cáo đã nộp đủ số tiền 27.701.667 đồng tiền bồi thường và tại phiếu thu số 004236 ngày 15/3/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai thể hiện bị cáo Phan Thị Hồng C đã nộp 1.525.083 đồng tiền án phí sơ thẩm theo bản án sơ thẩm số 66/2020/HS-ST ngày 09/12/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai. Như vậy trong giai đoạn phúc thẩm các bị cáo đã thực hiện xong phần bồi thường theo bản án sơ thẩm đã tuyên, đây là tình tiết giảm nhẹ mới. Do các bị cáo đã bồi thường xong phần dân sự nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự: “Khoan hồng đối với người tự nguyện bồi thường thiệt hại gây ra...”. Mặt khác, trong vụ án này, các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C có vai trò thứ yếu, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phía bị hại là Phòng Giáo Dục và Đào Tạo huyện C1 đề nghị xin giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S. Do các bị cáo có tình tiết mới trong giai đoạn phúc thẩm và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có vai trò thứ yếu nên cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt. Còn nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận vì bị cáo

Nguyễn Thị Mỹ S phạm tội nhiều lần (tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”; còn bị cáo Phan Thị Hồng C chịu tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”) và các bị cáo phạm tội liên quan đến lợi dụng chức vụ quyền hạn nên không thoả mãn điều kiện cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Về nội dung kháng cáo xin giảm mức bồi thường của bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S, do trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã nộp đủ và tại phiên toà bị cáo rút nội dung kháng cáo này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M, kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm buộc bà phải nộp số tiền 1.000.257.295 đồng là sai chủ thể, đáng lẽ ra ông T chồng bà phải nộp, bà chỉ thanh toán trong giới hạn của ông T để lại. Cấp phúc thẩm thấy rằng trong vụ án này, ông Phùng Văn T là Trưởng phòng giáo dục đào tạo huyện C1 đã chỉ đạo cho kế toán và các thủ quỹ của phòng là Phan Trung D, Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C sử dụng số tiền 2.819.445.000 đồng là nguồn kinh phí do nhà nước hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ mầm non và tiền hỗ trợ cho học sinh bán trú. Quá trình giải quyết vụ án, do ông T chết nên không xem xét trách nhiệm hình sự, còn trách nhiệm dân sự phải xem xét là đúng quy định.

Về phần trách nhiệm dân sự, trong khoản 311.105.000 đồng mà Phan Thị Hồng C chỉ sai quy định thuộc trách nhiệm của Phùng Văn T, Phan Trung D, Phan Thị Hồng C tuy nhiên tại phiên toà sơ thẩm những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã đồng ý nộp lại với tổng số tiền 138.000.000 đồng, do đó số tiền còn lại 173.105.000 đồng, chia đều cho Phùng Văn T, Phan Trung D, Phan Thị Hồng C, mỗi người phải nộp lại 57.701.667 đồng.

Số tiền Nguyễn Thị Mỹ S chỉ sai quy định 1.869.686.232 đồng thuộc trách nhiệm của Phùng văn T, Phan Trung D, Nguyễn thị Mỹ S, do đó chia đều mỗi người phải nộp là 623.228.744 đồng.

Số tiền thiệt hại còn lại 638.653.768 đồng thuộc trách nhiệm của Phùng Văn T, Phan Trung D. Do đó, chia đều cho Phùng Văn T, Phan Trung D, mỗi người nộp 319.326.884 đồng

Như vậy: Phùng Văn T phải nộp số tiền 1.000.257.295 đồng (319.326.884 đồng + 623.228.744 đồng + 57.701.667 đồng). Tuy nhiên, do Phùng Văn T đã chết và Tại văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và văn bản thỏa thuận phân chia di sản thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của Phùng Văn T đã có văn bản từ chối, tặng cho tài sản là nhà và các quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị M (Bút lục 2018, 2019, 2110). Do đó, đối với trách nhiệm dân sự của Phùng Văn T thì bà

Nguyễn Thị M là người thực hiện. Bà Nguyễn Thị M đã nộp 200.000.000 đồng, còn phải nộp 800.257.295 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Từ những vấn đề phân tích và lập luận trên, Toà án cấp phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S, Phan Thị Hồng C có cơ sở, do có tình tiết mới đã bồi thường toàn bộ phần dân sự theo bản án sơ thẩm đã tuyên nên chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm hôm nay.

Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, Lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, khoản 1, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

1. Về hình sự:

- Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S **02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hồng C **01 (một) năm tù**, về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự (giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm), trong đó:

Buộc bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 1.000.257.295 đồng đã nộp 200.000.000 đồng, còn phải nộp 800.257.295 đồng (*tám trăm triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án:

Các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ S và Phan Thị Hồng C không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu 36.007.719 đồng (*ba mươi sáu triệu không trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm mười chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, phòng lưu trữ, phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường